ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HK2/2021-2022
NGHIÊN CỨU SINH

STT	Mã người học	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước (đ)	Phải nộp kỳ 2/21-22 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
1	17028004	Nguyễn Thị Hồng Nhung	-6,250	14,625,000	14,618,750
2	17028005	Trần Nguyên Hương	0	14,625,000	14,625,000
3	17028006	Trần Văn Mạnh	0	14,625,000	14,625,000
4	17028007	Nguyễn Thị Thùy Liên	0	14,625,000	14,625,000
5	17028008	Bùi Thị Hà	0	14,625,000	14,625,000
6	17028010	Vũ Xuân Mạnh	0	14,625,000	14,625,000
7	17028012	Dương Thị Hằng	0	14,625,000	14,625,000
8	17028013	Nguyễn Đình Dư	0	14,625,000	14,625,000
9	17028015	Phạm Minh Phúc	0	14,625,000	14,625,000
10	17028018	Phan Hải	0	14,625,000	14,625,000
11	17028020	Hồ Anh Tâm	0	14,625,000	14,625,000
12	17028021	Nguyễn Thị Khánh Vân	0	14,625,000	14,625,000
13	17028022	Nguyễn Duy Anh	0	14,625,000	14,625,000
14	17028023	Đinh Văn Nam	13,831,250	0	13,831,250
15	17028025	Phí Công Huy	0	14,625,000	14,625,000
16	17028026	Đỗ Huy Điệp	0	14,625,000	14,625,000
17	18028001	Nguyễn Minh Hải	0	14,625,000	14,625,000
18	18028003	Lê Kim Thư	-2,925,000	14,625,000	11,700,000
19	18028004	Phạm Hữu Tùng	0	14,625,000	14,625,000
20	18028006	Phạm Đình Nguyện	0	14,625,000	14,625,000
21	19028001	Vương Thị Hải Yến	0	14,625,000	14,625,000
22	19028003	Bùi Minh Tuấn	0	14,625,000	14,625,000
23	19028004	Bùi Thanh Hương	0	14,625,000	14,625,000
24	19028005	Trần Việt Khoa	0	14,625,000	14,625,000
25	19028006	Lê Việt Hà	0	14,625,000	14,625,000
26	19028007	Nguyễn Đức Anh	0	14,625,000	14,625,000
27	19028008	Nguyễn Quang Trung	0	14,625,000	14,625,000
28	19028009	Đào Mạnh Hiệp	0	14,625,000	14,625,000
29	19028010	Mai Thị Ngọc ánh	0	14,625,000	14,625,000
30	20028001	Nguyễn Thu Trang	0	14,625,000	14,625,000
31	20028002	Nguyễn Thị Thùy Anh	0	14,625,000	14,625,000
32	20028003	Phạm Hải Đăng	0	14,625,000	14,625,000
33	20028004	Võ Văn Hoàng	-250	14,625,000	14,624,750
34	20028005	Đồng Thị Ngọc Lan	0	14,625,000	14,625,000
35	20028006	Nguyễn Khánh Tùng	0	14,625,000	14,625,000
36	20028007	Nguyễn Bá Xuân Bảng	0	14,625,000	14,625,000
37	20028008	Hà Thị Kim Dung	0	14,625,000	14,625,000
38	20028009	Nguyễn Minh Hòa	0	14,625,000	14,625,000
39	20028010	Vũ Đình Phái	0	14,625,000	14,625,000
40	20028011	Nguyễn Minh Thuận	0	14,625,000	14,625,000
41	20028012	Ninh Thị Thanh Tâm	0	14,625,000	14,625,000

STT	Mã người học	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước (đ)	Phải nộp kỳ 2/21-22 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
42	20028013	Hoàng Bảo Anh	0	14,625,000	14,625,000
43	20028014	Quách Công Hoàng	0	14,625,000	14,625,000
44	20028015	Dương Ngọc Sơn	0	14,625,000	14,625,000
45	20028016	Nguyễn Đăng Cơ	0	14,625,000	14,625,000
46	20028017	Vũ Ngọc Linh	0	14,625,000	14,625,000
47	21028001	Nguyễn Trần Ngọc Linh	-731,250	14,625,000	13,893,750
48	21028002	Đoàn Thanh Tám	-731,250	14,625,000	13,893,750
49	21028003	Nguyễn Xuân Trường	-731,250	14,625,000	13,893,750
50	21028004	Phan Hoàng Anh	-731,250	14,625,000	13,893,750
51	21028005	Lê Văn Vinh	-14,625,000	14,625,000	0
52	21028006	Lưu Mạnh Hà	-14,625,000	14,625,000	0
53	21028007	Hoàng Tiến Quang	-14,625,000	14,625,000	0
54	21028008	Phạm Thị Quỳnh Trang	-14,625,000	14,625,000	0
55	21028009	Nguyễn Thị Cẩm Vân	-14,625,000	14,625,000	0
56	21028010	Phạm Thị Tố Nga	-14,625,000	14,625,000	0
57	21028011	Trần Như Chí	-14,625,000	14,625,000	0
58	21028012	Nguyễn Thu Hằng	-14,625,000	14,625,000	0
59	21028013	Huỳnh Thị Thùy Linh	-14,625,000	14,625,000	0
60	21028014	Trần Vũ Hợp	-14,625,000	14,625,000	0
61	21028015	Nguyễn Đình Khoa	-14,625,000	14,625,000	0